TAP DOAN BINH MINH VIET
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT
Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh **MST:** 0315517144
Hotline: 0828 92 93 94 **Website:** binhminhviet.vn **Email:** kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 30/10/2026 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
1	Nối trơn	21 D	1500c/b	15	2,500	2,700
		27 D	1000c/b	15	3,700	3,996
		34 D	600c/b	15	6,100	6,588
		42 D	500c/b	15	8,400	9,072
		49 D	300c/b	12	12,900	13,932
		60 M	330c/b	6	7,800	8,424
		60 D	140c/b	12	19,900	21,492
		90 M	120c/b	6	18,200	19,656
		90 D	80c/b	12	43,200	46,656
		114 M	58c/b	6	26,500	28,620
		114 D	30c/b	9	85,800	92,664
		168 M	-	6		
		168 D	-	9		
		220 M	-	6		
2	Nối ren trong	21 D	1600c/b	15	2,500	2,700
		27 D	1100c/b	15	3,900	4,212
		34 D	500c/b	15	6,100	6,588
		42 D	-	15		
		49 D	-	12		
		60 D	-	12		
		90 D	-	12		
		114 D	-	9		
3	Nối ren trong thau	21 D	Cái	15		
		27 D	-	15		
4	Nối ren ngoài thau	21 D	Cái	15		
		27 D	500c/b	15	27,600	29,808
5	Nối rút có ren thau	27 × RTT 21 D	1000c/b	15	10,600	11,448
		27 × RNT 21 D	-	15		
6	Nối ren ngoài	21 D	1800c/b	15	2,300	2,484
		27 D	1000c/b	15	3,500	3,780
		34 D	800c/b	15	6,000	6,480

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
7	Nối rút trơn	27 × 21 D	1200c/b	15	3,500	3,780
		34 × 21 D	800c/b	15	4,300	4,644
		34 × 27 D	800c/b	15	4,800	5,184
		42 × 21 D	500c/b	15	6,200	6,696
		42 × 27 D	500c/b	15	6,600	7,128
		42 × 34 D	500c/b	15	7,400	7,992
		49 × 21 D	300c/b	15	8,700	9,396
		49 × 27 D	300c/b	12	9,200	9,936
		49 × 34 D	300c/b	15	10,200	11,016
		49 × 42 D	300c/b	15	10,900	11,772
		60 × 21 D	250c/b	15	13,100	14,148
		60 × 27 D	250c/b	15	13,800	14,904
		60 × 34 D	250c/b	15	15,200	16,416
		60 × 42 M	-	6		
		60 × 42 D	250c/b	12	15,900	17,172
		60 × 49 M	-	6		
		60 × 49 D	-	12		
		90 × 34 M	200c/b	9	14,400	15,552
		90 × 42 M	-	6		
		90 × 49 D	-	12		
		90 × 60 M	200c/b	6	15,300	16,524
		90 × 60 D	-	12		
		114 × 90 M	90c/b	6	27,300	29,484
8	Nối rút có ren	21 × RT 27 D	Cái	15		
		27 × RT 21 D	1200c/b	15	3,200	3,456
		34 × RT 21 D	-	15		
		34 × RT 27 D	-	15		
		21 × RN 27 D	-	15		
		27 × RN 21 D	1200c/b	15	2,600	2,808
		27 × RN 34 D	1000c/b	15	3,700	3,996
		27 × RN 42 D	-	15		
		27 × RN 49 D	-	15		

Ghi chú:
Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới
M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT®

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh **MST:** 0315517144
Hotline: 0828 92 93 94 **Website:** binhminhviet.vn **Email:** kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 30/10/2026 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
9	Co 90°	21 D	1000c/b	15	3,500	3,780
		27 D	800c/b	15	5,500	5,940
		34 D	500c/b	15	7,800	8,424
		42 D	300c/b	12	11,700	12,636
		49 D	200c/b	12	18,600	20,088
		60 M	200c/b	6	13,100	14,148
		60 D	100c/b	12	29,600	31,968
		90 M	80c/b	6	30,800	33,264
		90 D	40c/b	12	73,600	79,488
		114 M	36c/b	6	64,100	69,228
		114 D	20c/b	12	169,900	183,492
		168 M	-	6		
		220 M	-	9		
		220 D	-	12		
10	Co 45°	21 D	1200c/b	15	3,000	3,240
		27 D	800c/b	15	4,600	4,968
		34 D	500c/b	15	7,200	7,776
		42 D	300c/b	15	10,200	11,016
		49 D	200c/b	12	15,500	16,740
		60 M	200c/b	6	11,400	12,312
		60 D	100c/b	12	23,900	25,812
		90 M	80c/b	6	25,800	27,864
		90 D	50c/b	12	56,500	61,020
		114 M	40c/b	6	50,500	54,540
		114 D	24c/b	9	114,900	124,092
		168 M	-	6		
		168 D	-	9		
		220 M	-	6		
		220 D	-	10		
11	Co âm dương	90 M	Cái	6		
		114 M	-	6		
12	Co 3 nhánh 90°	21 D	Cái	15		
		27 D	-	15		
		34 D	-	15		
13	Tứ thông	90	Cái	6		
		114	-	3		
14	Bít xả ren ngoài	60 M	Bộ	6		
		90 M	-	6		
		114 M	-	6		
		168 M	-	6		
15	Khởi thủy	110 × 49 D	Bộ	12		
		114 × 49 D	-	9		
		160 × 60 D	-	9		
		168 × 60 D	-	9		
		220 × 60 D	-	9		

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
16	Co 90° rút	27 × 21 D	800c/b	15	3,900	4,212
		34 × 21 D	-	15		
		34 × 27 D	-	15		
		42 × 27 D	-	12		
		42 × 34 D	-	12		
		49 × 27 D	-	12		
		49 × 34 D	-	12		
		60 × 34 D	-	12		
		60 × 42 D	-	12		
		60 × 49 D	-	12		
		90 × 60 M	-	6		
		90 × 60 D	-	12		
		114 × 60 M	-	6		
		114 × 90 M	-	6		
		168 × 114 M	-	6		
17	Co ren trong thau	21 D	900c/b	15	16,400	17,712
		27 D	-	15		
		21 × RTT 27 D	-	15		
		27 × RTT 21 D	600c/b	15	17,800	19,224
		34 × RTT 21 D	-	15		
		34 × RTT 27 D	-	15		
18	Co ren ngoài thau	21 D	600c/b	15	22,500	24,300
		27 D	-	12		
		27 × RNT 21 D	500c/b	15	30,700	33,156
19	Co ren ngoài	21 D	1000c/b	15	5,100	5,508
		27 D	-	15		
		34 D	-	15		
		49 D	-	12		
		21 × RN 27 D	-	15		
		27 × RN 21 D	600c/b	15	6,600	7,128
		27 × RN 34 D	-	15		
		34 × RN 21 D	-	15		
		34 × RN 27 D	-	15		
20	Co ren trong	21 D	1250c/b	15	4,000	4,320
		27 D	-	15		
		34 D	-	15		
		27x RT 21 D	800c/b	15	5,500	5,940
21	Bích đơn	49 D	Bộ	12		
		60 D	-	12		
		90 D	-	12		
		114 D	-	9		
		168 D	-	9		
22	Bích kép	114 D	Bộ	9		
		168 D	-	9		
		220 D	-	9		
23	Khớp nối sống	21	100c/th	15	11,600	12,528
		27	100c/th	15	16,200	17,496

Ghi chú:

Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới

M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT®
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT
Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh **MST:** 0315517144
Hotline: 0828 92 93 94 **Website:** binhminhviet.vn **Email:** kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 30/10/2026 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
24	Chữ Y - T 45°	34 D	Cái	12		
		42 M	-	6		
		49 M	-	6		
		60 M	100c/b	6	27,500	29,700
		60 D	-	12		
		90 M	-	3		
		90 M	28c/b	6	64,900	70,092
		114 M	14c/b	3	94,000	101,520
		114 M	-	6		
		114 D	-	9		
		168 M	-	4		
		168 M	-	6		
		220 M	-	6		
25	Chữ T	21 D	800c/b	15	4,600	4,968
		27 D	600c/b	15	7,400	7,992
		34 D	300c/b	15	12,100	13,068
		42 D	200c/b	15	15,900	17,172
		49 D	150c/b	12	23,600	25,488
		60 M	130c/b	6	16,800	18,144
		60 D	60c/b	12	40,400	43,632
		90 M	46c/b	6	48,900	52,812
		90 D	24c/b	12	101,700	109,836
		114 M	20c/b	6	87,500	94,500
		114 D	14c/b	9	207,600	224,208
		168 M	-	6		
		220 M	-	6		
		220 D	-	9		
26	T cong rút	90 × 60 M	Cái	6		
		114 × 60 M	-	6		
		114 × 90 M	-	6		
		168 × 90 M	-	6		
27	T cong	42 D	Cái	15		
		60 M	100c/b	6	22,500	24,300
		90 M	36c/b	6	58,700	63,396
		114 M	15c/b	3	106,100	114,588
		168 M	-	6		
		168 D	-	10		
28	Van	21	50c/t	12	22,300	24,084
		27	50c/t	12	26,100	28,188
		34	50c/t	12	44,200	47,736
		42	30c/t	12	64,900	70,092
		49	24c/t	12	97,300	105,084
		60	24c/t	10	125,000	135,000
		90	8c/t	6	405,000	437,400

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
29	Chữ Y rút - T45°	60 × 42 M	Cái	4		
		60 × 42 M	-	6		
		60 × 49 M	-	6		
		90 × 42 M	-	6		
		90 × 60 M	-	6		
		114 × 60 M	-	6		
		114 × 90 M	-	6		
		140 × 90 M	-	6		
		140 × 114 M	-	6		
		140 × 114 D	-	10		
		168 × 90 M	-	6		
		168 × 114 M	-	6		
		168 × 114 D	-	10		
		220 × 168 M	-	6		
30	Chữ T rút	27 × 21 D	600c/b	15	5,500	5,940
		34 × 21 D	450c/b	15	8,500	9,180
		34 × 27 D	400c/b	15	9,900	10,692
		42 × 21 D	200c/b	15	12,100	13,068
		42 × 27 D	200c/b	15	12,100	13,068
		42 × 34 D	200c/b	15	13,500	14,580
		49 × 21 D	150c/b	15	15,900	17,172
		49 × 27 D	150c/b	15	17,300	18,684
		49 × 34 D	150c/b	15	19,000	20,520
		49 × 42 D	150c/b	12	21,300	23,004
		60 × 21 D	150c/b	15	25,300	27,324
		60 × 27 D	130c/b	15	28,100	30,348
		60 × 34 D	120c/b	12	26,100	28,188
		60 × 42 D	100c/b	12	29,300	31,644
		60 × 49 D	100c/b	12	33,100	35,748
		90 × 34 D	-	12		
		90 × 42 M	-	6		
		90 × 60 M	-	6		
		90 × 60 D	-	12		
		114 × 60 M	-	6		
		114 × 60 D	-	9		
		114 × 90 M	-	6		
		114 × 90 D	-	9		
31	Keo dán	25gr	Tuýp		6,600	7,128
		50gr	-		11,200	12,096
		200gr	Lon		53,100	57,348
		500gr	-		96,500	104,220
		1kg	-		180,300	194,724
32	Con thỏ	60 M	Bộ	6		
		90 M	-	6		

Ghi chú:

Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới.

M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau